

Ngày soạn: 11/9/2026

Tuần 2, 3 – Tiết PPCT 3,4,5,6

BÀI 2: THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác.
- Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống.
- Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ tự học: luôn chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ trong học tập.
 - + Giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua xác định và làm rõ thông tin từ các nguồn khác nhau để thấy được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Năng lực đặc thù:
 - + Nhận thức khoa học Địa lí: giải thích đặc điểm các thành phần tự nhiên ở nước ta; giải thích được sự phát triển kinh tế trên cơ sở vận dụng mối liên hệ và tác động của tự nhiên.
 - + Tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ Địa lí học (đọc được bản đồ để khai thác thông tin, kiến thức về khí hậu, địa hình, sông ngòi,...); khai thác internet phục vụ môn học.
 - + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: vận dụng các kiến thức, kĩ năng liên quan đến nội dung bài học để giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Yêu quê hương, đất nước.
- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Trung thực: trong học tập.
- Trách nhiệm: Có ý thức và hành động trong bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, TV.
- Lược đồ gió mùa mùa đông, gió mùa mùa hạ ở Đông Nam Á; bản đồ khí hậu Việt Nam, bản đồ tự nhiên Việt Nam.
- Phiếu học tập.
- SGK Địa lí 12.

2. Học sinh

SGK Địa lí 12.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Ổn định lớp

B. Bài mới

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu:

- Kết nối tri thức HS đã có về đặc điểm thiên nhiên Việt Nam với bài học.
- Tạo hứng thú cho HS với nội dung bài học.

b) Nội dung: Em hãy quan sát hình ảnh, cho biết: Các hình ảnh này liên tưởng đến đặc điểm nào của thiên nhiên nước ta?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh (Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa).

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kĩ thuật dạy học tia chớp.

- Bước 1: GV cho HS xem một vài hình ảnh về thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta, kết hợp đặt câu hỏi để HS trả lời.
- Bước 2: HS quan sát hình ảnh, tìm câu trả lời.
- Bước 3: Một số HS trả lời, HS khác bổ sung.

– Bước 4: Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới
2.1. Tìm hiểu về biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa
2.1.1. Tìm hiểu về khí hậu

a) Mục tiêu:

- Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu.
- Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

b) Nội dung:

- Khí hậu được thể hiện qua các yếu tố nào? Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của khí hậu biểu hiện như thế nào?
- HS hoàn thành phiếu học tập.

Gió mùa	Mùa đông	Mùa hạ
Nguồn gốc		
Hướng		
Thời gian hoạt động		
Phạm vi hoạt động		
Tính chất		
Hệ quả		

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN		
I. Biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa		
1. Khí hậu		
- Tính chất nhiệt đới: + Lượng bức xạ mặt trời lớn + Cân cân bức xạ quanh năm dương + Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ vùng núi cao) + Tổng số giờ nắng trong năm dao động từ 1 400 – 3 000 giờ. - Tính chất ẩm: + Lượng mưa trung bình năm ở nước ta từ 1 500 – 2 000 mm + Độ ẩm tương đối của không khí trung bình hằng năm từ 80 – 85% + Cân bằng ẩm luôn dương. - Tính chất gió mùa: Tín phong hoạt động quanh năm và gió hoạt động theo mùa là gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ.		
Gió mùa	Mùa đông	Mùa hạ
Nguồn gốc	Khối khí lạnh phương Bắc, từ cao áp Xi-bia di chuyển xuống	- Đầu mùa: khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương di chuyển lên - Giữa và cuối mùa: xuất phát từ áp cao cận chí tuyến BCN.
Hướng	Đông bắc	Tây nam
Thời gian hoạt động	Từ tháng 11 → tháng 4 năm sau	Từ tháng 5 → tháng 10
Phạm vi hoạt động	Miền Bắc (từ 16°B trở ra)	- Đầu mùa: Nam Bộ, Tây Nguyên, ven biển Trung Bộ, phía nam vùng Tây Bắc. - Giữa và cuối mùa: hầu hết cả nước.
Tính chất	- Nửa đầu mùa: lạnh khô - Nửa sau: lạnh ẩm, có mưa phùn	Nóng ẩm
Hệ quả	Tạo mùa đông lạnh ở miền Bắc.	- Đầu mùa: gây mưa cho Nam bộ, Tây Nguyên, khô nóng cho ven biển Trung bộ, phía nam vùng Tây Bắc. - Giữa và cuối mùa: hầu hết cả nước.

d) Tổ chức thực hiện: Giáo viên thực hiện kỹ thuật làm việc nhóm.

- Bước 1: Giáo viên chia lớp thành các nhóm (nhóm 4 – 6 học sinh) và giao nhiệm vụ:

+ Học sinh hoàn thành phiếu học tập của mình.
+ Sau khi hoàn thành phiếu học tập, học sinh về nhóm của mình, thảo luận hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 2: Mỗi học sinh làm việc độc lập hoàn thành phiếu học tập; sau đó về nhóm thảo luận, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm, thống nhất kết quả thảo luận, hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 3: Giáo viên chỉ định đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận., thể hiện rõ qua bảng 2.1; 2.2 ; hình 2.1; 2.2; 2.3

– Bước 4: Giáo viên nhận xét, góp ý, chuẩn kiến thức và tuyên dương những nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2.1.2. Tìm hiểu về địa hình, sông ngòi, đất và sinh vật

a) Mục tiêu:

- Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua các thành phần tự nhiên khác.

- Sử dụng được bản đồ để trình bày đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

b) Nội dung: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện qua các thành phần địa hình, sông ngòi, đất và sinh vật như thế nào?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

2. Địa hình

Quá trình xâm thực – bồi tụ là quá trình chính trong sự hình thành địa hình.

- Xâm thực mạnh ở miền đồi núi.

+ Hình thành địa hình các-xơ với các hang động, thung khô,...

+ Địa hình bị cắt xẻ, bào mòn, sạt lở đất.

- Bồi tụ ở vùng đồng bằng: Đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long có những khu vực hằng năm mở rộng ra biển từ vài chục đến hàng trăm mét.

3. Sông ngòi

- Mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên đất liền: có 2360 con sông có chiều dài trên 10 km.

- Sông nhiều nước, giàu phù sa:

+ Tổng lượng nước khoảng 839 tỉ m³/năm.

+ Tổng lượng phù sa khoảng 200 triệu tấn/năm.

- Chế độ nước theo mùa: Mùa lũ trùng với mùa mưa, mùa cạn trùng với mùa khô. Chế độ dòng chảy thay đổi thất thường.

4. Đất

- Quá trình hình thành đất đặc trưng là quá trình feralit.

- Quá trình feralit diễn ra mạnh, do đó đất feralit là loại đất chính ở vùng đồi núi nước ta với đặc điểm: Tầng đất dày, đất chua, màu đỏ vàng.

5. Sinh vật

- Thảm thực vật rừng có lượng sinh khối lớn và năng suất sinh học cao. Thành phần loài: nhiệt đới chiếm ưu thế:

+ Thực vật: phổ biến cây họ Đậu, Vang, Dầu tằm, họ Dầu....

+ Động vật: Công, trĩ, gà lôi, vẹt, khỉ, vượn, nai,...

- Hệ sinh thái rừng:

+ Rừng nguyên sinh phổ biến: rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

+ Nước ta có các loại rừng nhiệt đới gió mùa khác nhau: Rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh, rừng gió mùa nửa rụng lá, rừng thưa khô rụng lá, trảng cỏ, cây bụi,..

+ Cảnh quan tiêu biểu: Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit.

d) Tổ chức thực hiện: Giáo viên thực hiện kỹ thuật làm việc nhóm.

– Bước 1: Giáo viên chia lớp thành các nhóm (nhóm 4 – 6 học sinh) và giao nhiệm vụ:

+ Học sinh hoàn thành phiếu học tập của mình.

+ Sau khi hoàn thành phiếu học tập, học sinh về nhóm của mình, thảo luận hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 2: Mỗi học sinh làm việc độc lập hoàn thành phiếu học tập; sau đó về nhóm thảo luận, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm, thống nhất kết quả thảo luận, hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 3: Giáo viên chỉ định đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận.

– Bước 4: Giáo viên nhận xét, góp ý, chuẩn kiến thức và tuyên dương những nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2.2. Tìm hiểu về ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến hoạt động sản xuất và đời sống

a) Mục tiêu: Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống.

b) Nội dung: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất và đời sống.?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

II. Ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến hoạt động sản xuất và đời sống

1. Ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất

- Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa có ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp.
- + Tạo điều kiện để nước ta phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới. Cây trồng, vật nuôi sinh trưởng quanh năm, tạo điều kiện để tăng vụ, tăng năng suất, tạo tiền đề cho sản xuất nông nghiệp hàng hoá, đáp ứng cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.
- + Tạo nên sự đa dạng trong cơ cấu cây trồng, vật nuôi.
- + Khó khăn cho hoạt động canh tác, kế hoạch mùa vụ, phòng chống thiên tai, phòng chống dịch bệnh,... trong sản xuất nông nghiệp.
- Tạo thuận lợi cho nước ta phát triển các ngành kinh tế khác. Tuy nhiên, các ngành và các hoạt động này đều chịu ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai, các hiện tượng thời tiết cực đoan và sự phân mùa khí hậu. Ngoài ra, gây khó khăn cho việc bảo dưỡng máy móc, thiết bị và bảo quản các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp,...

2. Ảnh hưởng đến đời sống

- Thuận lợi cho đời sống con người. Các hoạt động sinh hoạt của người dân có thể diễn ra quanh năm. Lượng mưa lớn là nguồn cung cấp nước quan trọng cho đời sống và sinh hoạt.
- Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa cũng gây ra nhiều khó khăn cho đời sống.
- + Các thiên tai và hiện tượng thời tiết cực đoan, tác động của biến đổi khí hậu, gây thiệt hại về người và tài sản....
- + Nhiệt, ẩm cao là môi trường thuận lợi cho các bệnh nhiệt đới phát triển, gây ra những dịch bệnh ảnh hưởng tới sức khỏe và đời sống con người.

d) Tổ chức thực hiện: Giáo viên thực hiện kỹ thuật think – pair – share.

– Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc theo kỹ thuật think – pair – share để hoàn thành bài tập nhận thức.

– Bước 2: HS hoàn thành bài tập nhận thức của mình. Sau đó trao đổi với bạn cặp đôi để hoàn thiện bài tập.

– Bước 3: GV chỉ định đại diện một nhóm trình bày nội dung trước lớp, các nhóm khác bổ sung.

– Bước 4: GV nhận xét nội dung trả lời của các nhóm.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu: Sử dụng kiến thức đã học để phân tích mối quan hệ nhân quả của các thành phần tự nhiên cho HS.

b) Nội dung:

- Phân tích tác động của vị trí địa lý và hình dạng lãnh thổ tới đặc điểm khí hậu nước ta.
- Trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a), b), c), d) sau đây

Từ tháng 6 đến tháng 4 năm sau, miền Bắc nước ta chịu tác động của gió mùa Đông Bắc. Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông có thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Từ 16°B trở vào Nam, khối khí lạnh đã bị suy yếu nên Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế.

a) Hoạt động của gió mùa Đông Bắc đã làm cho miền Bắc có một mùa đông lạnh.

b) Gió mùa Đông Bắc bị biến tính khi đi qua biển nên gây mưa phùn vào cuối mùa đông ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.

c) Tín phong bán cầu Bắc là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên.

d) Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân tạo nên mùa khô cho cả nước.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a), b), c), d) sau đây,

Con người cần khai thác những thuận lợi của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa vào các hoạt động sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp. Đây là điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển nền nông nghiệp toàn diện, sản xuất nông nghiệp hàng hoá để đáp ứng nhu cầu trong nước và tạo nhiều mặt hàng xuất khẩu.

a) Thuận lợi của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa là nền nhiệt, ẩm dồi dào, đất đai màu mỡ, nguồn nước phong phú.

b) Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tạo điều kiện để sản xuất nông nghiệp được tiến hành quanh năm theo hình thức thâm canh, tăng vụ.

c) Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa giúp cho sản xuất nông nghiệp có năng suất cao, ổn định, ít rủi ro.

d) Nước ta có thể sản xuất ra các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của vùng nhiệt đới ẩm.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

- Phân tích tác động của vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ tới đặc điểm khí hậu nước ta.

+ Vị trí địa lí nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc, trong khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió Mậu dịch và gió mùa châu Á => khí hậu mang tính chất nhiệt đới, chịu ảnh hưởng của gió mùa.

+ Vị trí nằm liền kề Biển Đông có nguồn ẩm dồi dào, lãnh thổ hẹp ngang => khí hậu mang tính chất ẩm và chịu tác động sâu sắc của biển.

+ Hình dạng lãnh thổ kéo dài từ Bắc vào Nam => khí hậu có sự phân hóa theo chiều Bắc – Nam.

- Câu 1. a – đúng, b – đúng, c – đúng, d – sai, Câu 2. a – đúng, b – đúng, c – sai, d – đúng.

d) Tổ chức thực hiện:

– Bước 1: GV yêu cầu HS liên hệ kiến thức đã học, phân tích tác động của vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ tới đặc điểm khí hậu nước ta.

– Bước 2: HS làm việc độc lập hoàn thành nhiệm vụ trên lớp.

– Bước 3: Một số HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung.

– Bước 4: GV tổng kết, đánh giá.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề thực tế địa phương.

b) Nội dung: Tìm hiểu về ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống nơi em ở.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa tạo điều kiện để TP Đà Nẵng đa dạng hóa cây trồng vật nuôi - Thời tiết bất thường ảnh hưởng lớn đến năng suất nông sản, cơ cấu mùa vụ. - Mùa mưa bão kéo dài, tập trung lớn đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất và đời sống.

d) Tổ chức thực hiện:

– Bước 1: GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu về ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống nơi em ở.

– Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ ở nhà.

– Bước 3: HS nộp bài lên nhóm lớp.

– Bước 4: GV nhận xét, góp ý bài làm của HS.

C. Hướng dẫn về nhà

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phân vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: Bài 3: Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên.